

**INNER MONOLOGUE IN *MRS TU HONG* NOVEL BY DAO TRINH NHAT**

Bui Thien Duong

*Continuing Education Department, Ministry of Education and Training, Hanoi city, Vietnam*

Corresponding author Bui Thien Duong,  
e-mail: [bui thienduongvugdtx@gmail.com](mailto:bui thienduongvugdtx@gmail.com)

**ĐỘC THOẠI NỘI TÂM TRONG TÁC PHẨM *CÔ TƯ HỒNG* CỦA ĐÀO TRINH NHẬT**

Bùi Thiên Dương

*Vụ Giáo dục Thường xuyên, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội, Việt Nam*

Tác giả liên hệ: Bùi Thiên Dương,  
e-mail: [bui thienduongvugdtx@gmail.com](mailto:bui thienduongvugdtx@gmail.com)

Received December 15, 2023.

Revised January 18, 2024.

Accepted February 9, 2024.

Ngày nhận bài: 15/12/2023.

Ngày sửa bài: 18/1/2024.

Ngày nhận đăng: 9/2/2024.

**Abstract.** *Mrs Tu Hong* of Dao Trinh Nhat is a novel that has many marks in Vietnamese literature. This novel succeeded in conveying the image of a sharp, versatile, strong but also lonely girl in her desire for happiness. This article studies the technique of monologue and internal monologue in this work. This technique can help the writer recreate thoughts and concerns in the character's spiritual realm. This article surveyed monologue and inner monologue language in this work and shows the effect of this method on constructing the character's personality and psychology, as well as creating psychological space and shaping the style of the writer Dao Trinh Nhat.

**Keywords:** monologue, inner monologue, *Mrs Tu Hong*, Dao Trinh Nhat.

**Tóm tắt.** *Cô Tư Hồng* của Đào Trinh Nhất là một tiểu thuyết để lại nhiều dấu ấn trong nền văn học Việt Nam. Tác phẩm đã thành công trong việc chuyên tải hình ảnh một cô gái sắc sảo, đa đoan, mạnh mẽ nhưng cũng cô đơn trong khát khao hạnh phúc. Bài viết nghiên cứu thủ pháp độc thoại nội tâm trong tác phẩm này. Thủ pháp này có thể giúp nhà văn tái hiện những suy nghĩ, trăn trở trong vương quốc tâm hồn của nhân vật. Bài báo đã khảo sát về độc thoại nội tâm trong tác phẩm và chỉ ra tác dụng của thủ pháp này đối với việc xây dựng tính cách, tâm lí nhân vật, đồng thời kiến tạo không gian tâm lí và định hình phong cách của nhà văn Đào Trinh Nhất.

**Từ khóa:** độc thoại, độc thoại nội tâm, *Cô Tư Hồng*, Đào Trinh Nhất.

## 1. Mở đầu

*Cô Tư Hồng* là một nhân vật có thật, đã trở thành một hiện tượng đặc biệt trong tác phẩm báo chí, sử học và văn chương ngay từ những năm 1930. Khi bước vào trang sách, nhân vật này đã nhận được cái nhìn không mấy thiện cảm của các tác giả, khi họ xem cô như một đại diện tiêu biểu của me Tây đương thời. Trong *Trung Bắc Tân Văn*, số ra ngày 4 tháng 8 năm 1940, Hồng Phong đã liệt kê ra một số thủ đoạn của cô Tư Hồng như: buôn bán đá với giá hời, nhận chạy việc, kiện tụng,... [2]. Câu đố của Nguyễn Khuyến đăng trên *Việt Văn giảng hậu bán thế kỉ XIX* đã nhắc đến cô với giọng rất mỉa mai: “*Ngũ phẩm vua ban hàm cụ lớn/ Nghìn năm công đức của bà to*” [3]. Nguyễn Việt Cường nhận định, *Cô Tư Hồng* là “một người tài ba nhưng bất hạnh, một phụ nữ đa đoan đầy tai tiếng và cũng là một trong những nhà tư sản tiêu biểu đầu tiên của Hà Nội cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX” [4; 241].

Tuy là một hiện tượng tiêu biểu, nhưng cho đến nay, những công trình nghiên cứu về nhân vật này trong các sáng tác văn học còn rất khiêm tốn. Nguyễn Huệ Chi và cộng sự đã đề cập đến

hình ảnh cô Tư Hồng trong thơ Nguyễn Khuyến: “Nếu như thơ Nguyễn Khuyến một mặt đã vắng bóng giai nhân thì mặt khác ở đây lại có đủ các hạng con gái xấu xa như nhuốc. Đó là các loại dĩ điểm me Tây, nổi tiếng thì như cụ Hậu Cầm, cô Tư Hồng ngoài ra là vô số những “gái ngoan” đã “quyết lòng âu chiến với Tây quan khác” [5; 221]. Lê Minh Quốc đã so sánh cô Tư Hồng với các me tây khác cùng thời để thấy được điểm đặc biệt của nhân vật này: “Thông thường khi nói đến cô Tư Hồng, người đương thời còn liên tưởng đến cô Bé Tý ở phố Hàng Bạc cũng nổi danh trong... làng “me tây”! Thật ra những trò trên của cô Bé Tý là nhằm che mắt người đời chứ thị sống bằng nghề buôn thần bán thánh, dắt mối gái cho quan tây, nhưng không “nổi tiếng” bằng cô Tư Hồng” [6]. Trong luận văn *Nhân vật me tây trong văn học Việt Nam nửa sau thế kỉ XIX*, Bùi Thị Hải Yến đã chỉ rõ đây là kiểu nhân vật “phản diện về mặt đạo đức” [12; 1], mang đậm dấu ấn của xã hội Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX – một xã hội giao thời lố lằng với những vấn đề gay nhức nhối. Các công trình nghiên cứu trên đã đề cập đến cô Tư Hồng nhưng mới chỉ là những phân tích ban đầu, còn rất nhiều vấn đề chưa được làm rõ, đặc biệt là những diễn ngôn về nhân vật này. Đây cũng là một trong những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu.

Trong bài viết này, chúng tôi lựa chọn tiểu thuyết *Cô Tư Hồng* của Đào Trinh Nhất (xuất bản lần đầu năm 1941) để tiếp tục nghiên cứu về nhân vật này từ lí thuyết diễn ngôn, đi sâu vào thủ pháp độc thoại nội tâm. Bởi lẽ trong các công trình viết về cô Tư Hồng, tác giả bài viết nhận thấy đây là một trong những tác phẩm đã tái hiện hình ảnh nhân vật này từ lăng kính đa chiều nhất. Đây cũng là tác phẩm ra đời tại thời điểm mà xã hội đã không còn nhìn cô Tư Hồng với lăng kính đạo đức khắt khe của Nho giáo, đồng thời phần nào có cái nhìn khoan dung của một xã hội đang dần trở nên văn minh hơn. Vì thế, Đào Trinh Nhất đã tạo được nhiều ấn tượng sâu sắc trong quá trình phục dựng lại bức tranh về một kiểu nhân vật khá phổ biến ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX – nhân vật phụ nữ Việt Nam lấy chồng Tây. Để có thành công này, việc sử dụng nghệ thuật xây dựng ngôn ngữ nhân vật là một điểm đặc sắc, góp phần tạo nên phong cách nghệ thuật độc đáo của nhà văn. Đặc biệt tác giả đã sử dụng thủ pháp độc thoại nội tâm giúp người đọc mở cánh cửa khám phá tâm hồn của cô Tư Hồng một cách tự nhiên, sâu sắc và toàn diện. Đây cũng chính là một trong những yếu tố kiến tạo nên ngôn ngữ độc thoại độc đáo của nhân vật cô Tư Hồng trong tác phẩm.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Độc thoại nội tâm trong tác phẩm tự sự

Trong tác phẩm tự sự, ngôn ngữ nhân vật tồn tại dưới hai hình thức: đối thoại và độc thoại. Cả hai hình thức ngôn ngữ này đều là những yếu tố quan trọng để xây dựng nhân vật. Trong đó, độc thoại nội tâm có ưu thế là có thể đi vào tận sâu thẳm tâm hồn nhân vật, khám phá các rung động sâu kín nhất của họ.

Theo Nguyễn Thiện Giáp, độc thoại là “biểu hiện lời nói trước hết vào bản thân mình, không tính trước đến phản ứng bằng lời của người đối thoại” [7; 187]. Độc thoại nội tâm là một dạng đặc biệt của độc thoại. Đây vẫn là hình thức nói với chính mình nhưng không bật thành lời nói mà chỉ tồn tại ở dạng ý niệm, suy nghĩ của nhân vật. Có thể coi đó là hình thức tư duy bằng ngôn ngữ thầm, giao tiếp “phi ngôn ngữ”. Đó “là lời phát ngôn của nhân vật với chính mình, thể hiện trực tiếp quá trình tâm lí nội tâm, mô phỏng hoạt động cảm xúc, suy nghĩ của con người trong dòng chảy trực tiếp của nó” [8; 122]. Lại Nguyên Ân cho rằng, độc thoại nội tâm của nhân vật là “phát ngôn của nhân vật với bản thân mình trước, trực tiếp phản ánh quá trình tâm lí bên trong, kiểu độc thoại thầm (hoặc “lẩm bẩm”), mô phỏng hoạt động suy nghĩ – cảm xúc của con người trong dòng chảy trực tiếp” [9; 127].

Độc thoại nội tâm là một trong những biểu hiện quan trọng của diễn ngôn. Theo Guy Cook diễn ngôn là: “các chuỗi ngôn ngữ được cảm nhận như có ý nghĩa, thống nhất và mục đích” [1; 31]. Diễn ngôn của nhân vật trong tác phẩm văn học thường tồn tại ở hai dạng cơ bản là lời đối thoại trực tiếp và lời độc thoại của nhân vật khi tự nói với chính mình. Trong bài viết này, chúng

tôi quan niệm rằng, độc thoại nội tâm là lời của nhân vật tự nói với bản thân mình để thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật. Độc thoại nội tâm được sử dụng với nhiều chức năng: lí giải bản thân, thể hiện những xung đột bên trong nhân vật đã được kịch hóa, gợi dẫn những cuộc đối thoại tưởng tượng,... Đây là “ngôn ngữ thầm” của nhân vật nên những lời độc thoại nội tâm được bộc lộ một cách chân thật, tự nhiên.

Phát huy lợi thế này, các nhà văn đã sử dụng độc thoại nội tâm như một phương tiện tối ưu nhằm diễn tả những cảm xúc, tình cảm, suy nghĩ của chính bản thân hoặc của nhân vật trong các tác phẩm văn học. Thông qua độc thoại nội tâm, tất cả những tâm tư, tình cảm, những suy nghĩ, khát vọng thậm chí những mưu mô, tính toán thầm kín của các nhân vật đã được thể hiện một cách tự nhiên, chân thực nhất. Vì vậy, để hiểu được nhân vật một cách trọn vẹn, người đọc không chỉ căn cứ vào ngôn ngữ bên ngoài mà phải căn cứ vào cả độc thoại nội tâm của nhân vật. Nhờ sử dụng độc thoại nội tâm, bạn đọc có điều kiện để đi sâu, phân tích đời sống nội tâm của con người, phát hiện những bí ẩn sâu kín, những lỗi rẽ bất ngờ, những khoảnh khắc đột biến trong tình cảm, tâm trạng, động cơ hành động, thậm chí là những ý nghĩ trực cảm, những thoáng mong manh huyền vi, kì diệu trong cõi vô thức của con người - nơi mà ngay cả những phương tiện khoa học thông tin hiện đại nhất, dù tinh vi đến đâu cũng không thể thăm dò, khám phá được, đúng như Đinh Thị Khang đã khẳng định: “Trong tác phẩm văn học thuộc loại hình tự sự, ngôn ngữ độc thoại giúp chúng ta phát hiện được gương mặt đích thực của nội tâm nhân vật” [10; 15]. Như vậy, sử dụng độc thoại nội tâm để thể hiện những suy nghĩ của nhân vật không chỉ giúp cho dòng cảm xúc được diễn ra liền mạch, không đứt quãng mà tác giả có thể gọi tên được những trạng thái tâm lí chưa thể xác định. Ngoài ra, dưới góc độ nghệ thuật, độc thoại nội tâm góp phần làm nên chất trữ tình cho tác phẩm, dễ dàng chạm tới những rung cảm trong tâm hồn bạn đọc.

Nếu như ngôn ngữ đối thoại đem đến sự phong phú, đa dạng, sinh động, đa sắc màu trong cách thể hiện nhân vật thì độc thoại nội tâm lại góp phần làm nên chiều sâu và bề dày tính cách nhân vật. Thậm chí, có những tác phẩm, thông qua độc thoại nội tâm, nhà văn sẽ tạo dựng nhân vật thành những “con người tư tưởng” – con người mang những suy ngẫm về ý nghĩa nhân sinh giàu tính triết học, mang tầm tư tưởng của thời đại. Ngoài ra, đối với một tác phẩm văn học, thủ pháp độc thoại nội tâm sẽ phát huy tối đa ưu thế của mình để hoàn thiện yếu tố nghệ thuật của tác phẩm, góp phần thể hiện cá tính sáng tạo và định hình phong cách nghệ thuật của một nhà văn.

Có thể nói, cùng với ngôn ngữ kể chuyện của tác giả, ngôn ngữ đối thoại, độc thoại nội tâm góp phần soi sáng nhân vật từ nhiều phía, từ nhiều góc độ, đưa đến cho người đọc một sự cảm thụ trọn vẹn về nhân vật.

## **2.2. Độc thoại nội tâm bộc lộ tính cách của nhân vật Tư Hồng trong tiểu thuyết *Cô Tư Hồng* của Đào Trinh Nhất**

Cô Tư Hồng là nhân vật chính trong tác phẩm cùng tên của nhà văn Đào Trinh Nhất. Tác giả đã rất chú trọng khắc họa nhân vật với một đời sống nội tâm phong phú, sinh động, gần gũi với thực tế. Khảo sát ngôn ngữ độc thoại nội tâm của nhân vật Tư Hồng, chúng tôi thấy rằng những dòng độc thoại nội tâm của nhân vật xuất hiện với số lượng khá lớn. Đặc biệt, dòng nội tâm của nhân vật được nhà văn đặt trong những hoàn cảnh giao tiếp cụ thể, ở đó, tâm lí và tính cách của nhân vật khắc họa rõ nét nhất. Độc thoại nội tâm trong tiểu thuyết này đã giúp tác giả bộc lộ tính cách nhân vật một cách tự nhiên, đồng thời tạo ra không gian tâm lí đặc biệt, định hình phong cách của nhà văn trong tác phẩm.

Độc thoại nội tâm góp phần khắc họa tâm trạng, suy nghĩ của cô Tư Hồng sâu sắc. Độc thoại nội tâm có thể giúp cho nhà văn thâm nhập sâu vào tâm hồn, hòa vào dòng suy nghĩ của nhân vật để tái hiện thế giới tâm hồn cũng như tính cách của cô Tư Hồng. Cô Tư Hồng là một nhân vật có đời sống nội tâm khá phong phú, phức tạp, gần gũi, chân thực như con người bằng xương bằng thịt ngoài đời. Ẩn sau cái mạnh mẽ, sự sâu sắc, thậm chí có phần mưu mô, ranh mãnh, thủ đoạn của một mẹ tây đích thực, một người đàn bà từng trải qua bao sóng gió của cuộc đời lại ẩn chứa

hiều góc khuất và ẩn ức. Những góc khuất ấy, nếu chỉ sử dụng nghệ thuật miêu tả hay cách kể chuyện của tác giả và ngôn ngữ đối thoại của chính nhân vật cũng không thể tái hiện được.

Độc thoại nội tâm của nhân vật Tư Hồng được nhà văn Đào Trinh Nhất khéo léo đan cài trong toàn bộ diễn biến cốt truyện, ở nhiều tình huống giao tiếp khác nhau.

Khi còn là một cô gái quê mới lớn, với cái tên Trần Thị Lan, trước sự sốt sắng của cha mẹ về việc nhân duyên, Tư Hồng đã soi ngắm hình dáng của mình trong gương mà tự thốt lên rằng: “Ta thế này lại đi lấy chồng quê mùa, cục mịch sao?” [11; 35]. Cô chê mới này, cô không hài lòng mới kia: “Lấy về để đêm hôm nó khóc, mình dỗ không được, nó còn cắn mình đau chết” [11; 35]. Cô tự cho rằng với một cô gái ngoại hình xinh đẹp, không kém phần nhanh nhẹn giỏi giang mà lại phải lấy một ông chồng già, không xứng đôi vừa lứa thì thật là bất công. Lời độc thoại cho thấy cô là người rất tôn trọng những giá trị của bản thân mình.

Theo dòng diễn biến của cốt truyện, cuộc đời của Tư Hồng xảy ra nhiều biến cố. Từ những biến cố này, “con người bên trong” của nhân vật Tư Hồng được khắc họa rõ nét nhất qua độc thoại nội tâm. Ở mỗi biến cố này, cô Tư Hồng phải suy nghĩ, trăn trở, tính toán để giải quyết đồng thời bản thân cô cũng nhìn rõ hơn những hành động, mưu cầu của bản thân mình và những người xung quanh.

Biến cố đầu tiên xảy đến trong cuộc đời Tư Hồng là khi lão Bá Kim Sơn rắp tâm cưới cô về làm thê thiếp. Trước đó, lão Bá đã nhiều lần ân ý đánh tiếng xa gần, nhưng, tâm hồn non nớt, thơ ngây của cô gái mới lớn nào có hiểu. Phải đến khi lão sai gia bộc đến tận nhà, biếu gà, biếu gạo thì “nàng thầm biết lão chánh Kim Sơn quý quái dụng tâm, chắc hẳn một lần, nàng vào nhà ông bán rượu ra về, ông đã cho người đi theo hút đằng sau đến tận nhà nàng mà nàng không ngờ. Vì đó, gà, gạo mới biết nơi mà đến” [11; 47]. Lời độc thoại nội tâm lúc này cho thấy sự bàng hoàng, vỡ lẽ của Tư Hồng khi thấu hiểu tâm cơ của lão Bá. Cô đã hiểu ra: Bá tốt với cô là có mục đích, không phải tự nhiên mà ngày nào lão cũng mua rượu của cô, hết thùng này đến thùng khác. Đặc biệt, tác giả đã khéo léo đan cài vào giữa ngôn ngữ kể chuyện dòng độc thoại nội tâm của nhân vật Tư Hồng để làm nổi bật những suy ngẫm của cô về mối nhân duyên này: “Mình đang son trẻ thế này, đi lấy một người đã ngoại tứ tuần sao gọi là xứng đôi vừa lứa được. Tóc bạc, má hồng chẳng khác gì nước với lửa không thể tương dung và phối hiệp nhau. Lan nghĩ đến số phận mình sau này đâu có được ngồi trên đồng bạc cũng không thể gọi là hạnh phúc được. Lúc nào, lũ chị em xấu bụng đã thì thầm thị phi đủ điều, giờ họ thấy mình về làm vợ lão Kim Sơn, đó khỏi họ chê cười mình tham lam vàng bạc bán rẻ xuân xanh. Lại thêm câu chuyện chị em bàn tán về tính cách ăn ở của lão Bá Kim Sơn nay vợ nọ, mai hầu kia, chẳng ai được bên; biết đâu rồi cái thân phận ấy không đến lượt nàng. Đời có thiếu gì kẻ giàu có nông cuồng, hoặc vì lòng hiếu sắc ích kỉ mà dám quăng ra một số tiền để mua lấy bông hoa đầu mùa mà chơi ít lúc, khi chán ngán, đỡ thềm rồi họ chà đạp dưới chân?” [11; 53]. Cô Tư Hồng nhận thấy rất rõ sự bất ổn trong cuộc nhân duyên với lão Bá. Hàng loạt những cụm từ mang ý nghĩa đối lập, tương phản để diễn tả điều đó: “son trẻ” – “ngoại tứ tuần”, “tóc bạc” – “má hồng”, “nước” – “lửa”. Một cuộc nhân duyên mà ngay từ đầu cô đã nhìn ra là không thể nào có hạnh phúc, không thể nào dung hòa với nhau được, không xứng đôi vừa lứa, hay nói đúng hơn là cô nhận rõ lão Bá không xứng với mình. Cô như hình dung ra tương lai số phận mình đâu có được ngồi trên đồng bạc cũng không thể gọi là hạnh phúc được, tương lai bị chà đạp đến thê thảm. Cô cũng sợ những lời dị nghị, đàm tiếu của người đời nhưng hơn hết cô tự nhận thấy rằng bản thân mình đang là một bông hoa xinh đẹp nên không thể vương vào một bãi bùn lầy được. Cô có phần ghê tởm con người lão Bá, một lão già không đứng đắn không biết thương hoa tiếc ngọc. Có thể thấy, lời độc thoại đã thể hiện được những nét tâm lí đầy phức tạp đang diễn ra trong nội tâm nhân vật Tư Hồng. Đặt nhân vật vào trong biến cố này, đồng thời nhà văn cũng để cho nội tâm nhân vật có sự đấu tranh giằng xé trước một lựa chọn: liệu nhân vật có chấp nhận cuộc nhân duyên vênh lệch để có cuộc sống giàu sang phú quý? Có lẽ, với nhiều cô gái, sẽ chấp nhận đánh đổi, chấp nhận mang tiếng tham lam, hám của để một bước đời trở thành phu nhân lão Chánh. Nhưng sự lựa chọn của nhân vật Tư Hồng ở diễn biến

sau đó đã cho thấy rõ tâm hồn trong sáng, lòng tự trọng, mong muốn gìn giữ giá trị của bản thân mình chứ không dễ khuất phục trước quyền thế hay tiền bạc. Cô đã nhìn ra lối thoát duy nhất là trốn khỏi nhà: “Chỉ còn một nước gọn nhất là bỏ nhà đi trốn, mặc kệ gia sự ra sao thì ra, mặc kệ tương lai đến đâu thì đến” [11; 59]. Cô quyết định trốn khỏi nhà mà không màng đến cơ sự sau đó. Điều này cho thấy cô là một người phụ nữ quyết đoán, có phần táo bạo và kiên quyết. Cô cũng đi ngược lại lễ giáo phong kiến khi kiên quyết phản đối việc cha mẹ lựa chọn nhân duyên không dựa trên tình yêu đôi lứa. Cô không cam tâm lấy một lão già không biết thương hoa tiếc ngọc. Cô đã dám phá bỏ quy tắc, chuẩn mực của người phụ nữ truyền thống để chủ động chọn lựa tương lai của mình. Ở biên cố này, độc thoại nội tâm không chỉ thể hiện diễn biến tâm lí, sự giằng xé trong cảm xúc nhân vật mà còn tô đậm tính cách, góp phần hoàn toàn thiện chân dung nhân vật.

Biên cố thứ hai xảy đến trong cuộc đời Tư Hồng là cô phải nhận cách đối xử khắc nghiệt trong thời gian tá túc ở nhà người chú thím. Ở đoạn truyện này, số lượng lời độc thoại nội tâm xuất hiện với một mức độ dày đặc. Cô đã suy ngẫm về phận mình: “Tưởng mình nương nhờ chú thím được yên ổn, sung sướng; ai ngờ đã nai lưng cật sức như làm tôi tớ không công, mà cũng bị đối đãi tàn nhẫn. Con ranh con em gái chú mình cũng đã lên mặt coi mình chẳng ra gì. Thím chỉ biết kể miếng cơm cho ăn, nên muốn dẫn vật lại cho bỏ, không kể công việc mình đền lại đáng gấp đôi” [11; 57]. Lời thoại lúc này trở thành lời than thân trách phận. Cô than cho số phận mình muốn tìm kiếm một sự yên ổn mà không được. Cô oán trách người thím khắc nghiệt đối xử với cô như tôi tớ trong nhà hết sức tàn nhẫn. Với cá tính mạnh mẽ, cô không cam tâm chấp nhận cuộc sống như thế. Cho nên, ý định tiếp tục bỏ nhà chú thím ra đi đến như một bước phát triển tất yếu của tâm lí nhân vật. Hàng loạt lời độc thoại thể hiện rõ điều này: “Thế tất phải đi. Nhưng mà đi đâu bây giờ?” [11; 61]. Nung nấu ý định bỏ đi nhưng ngẫm kĩ, lời độc thoại nội tâm còn hàm chứa bao nỗi hoang mang, tuyệt vọng. Tuyệt vọng vì cô chỉ khao khát tìm kiếm một sự yên ổn nhỏ nhoi thôi cũng không được. Tuyệt vọng vì dù sao chú thím cũng là người thân của cô. Tuyệt vọng vì bản thân cô đã cố gắng nai lưng cật sức ra làm để đền bù gấp đôi mà vẫn bị đối xử tàn nhẫn. Buộc phải ra đi một lần nữa chúng tỏ cô đã cùng đường rồi. Ở lời độc thoại tiếp theo, cảm giác lo sợ đã định hình rõ hơn khi cô mừng rỡ trông ra tương lai, số phận của mình: “Đi có lẽ là bước chân vào con đường hạnh phúc, mà cũng có lẽ nhảy xuống vực sâu. Sẽ bơ vơ khổ sở, sẽ làm tôi tớ người ta để mà sống, sẽ bán rẻ cả xác thịt không chừng để cho con tì con vạ khỏi liệt máy. Hay sẽ chết đói chết rét ở một xóm xỉnh nào, như thân một con chuột thối nằm trên vỉa đường, người ta hắt cẳng đá một cái xuống lỗ cống là xong chuyện. Nhưng cứ phải đi, đi vì tình thế không ở được. Cứ đi, nhất nên nhị hư, một sống hai chết, chỉ có thế thôi” [11; 61]. Nhà văn đã rất khéo léo khi xây dựng cấu trúc lời độc thoại nội tâm, một lời độc thoại rất dài, có nhiều vế câu, nhiều ý, nhưng ở đó, chỉ có một ý rất nhỏ là viễn cảnh về tương lai hạnh phúc; còn lại phần lớn là viễn cảnh sầu thảm, bi đát xảy đến với cô. Điều đó diễn tả rất chân thật và cũng rất tinh tế nét tâm lí hoang mang, lo sợ của cô trong lần ra đi này. Bởi, xét đến cùng, cô cũng chỉ là một cô gái mới lớn, tâm hồn còn non nớt, bản thân chưa va vấp sự đời nên cảm thấy hoang mang, lo sợ trước một bước ngoặt lớn của cuộc đời cũng là lẽ thường. Nhưng hơn hết, những lời độc thoại cho thấy ở cô vẫn là một Thị Lan với cá tính mạnh mẽ, suy nghĩ quyết đoán, dám nghĩ dám làm. Cô đã vượt qua tất cả nỗi lo sợ, hoang mang, lo lắng, kiên quyết ra đi với một tinh thần khá liêu lĩnh “một thành hai bại”, “một sống hai chết”. Sau tất cả những hoang mang, lo sợ, lòng cô còn tràn trề hi vọng: “Nàng ngẫm nghĩ những cái may mắn người ta chẳng có nước da cặp mắt như mình còn có thể đạt được hưởng chi mình đây chẳng thua kém ai. Ông trời đã ban cho họ lắm sự may mắn, không lẽ nào lại hẹp hòi với mình. Thôi, mình đã xuôi Nam gặp bước không tốt rồi, cũng chưa phải là cùng đường bí lối, vẫn còn một cửa mở ra nữa: ra Phòng” [11; 59]. Lời độc thoại nội tâm lúc này trở thành lời tự động viên, an ủi chính mình, thôi thúc mình cố gắng và cũng tràn đầy tin tưởng vào một tương lai tốt đẹp. Có thể thấy, Đào Trinh Nhất đã tỏ ra rất am hiểu và nắm bắt rất chính xác nét tâm lí nhân vật. Độc thoại nội tâm đã phát huy tối đa ưu thế của nó khi giúp nhà văn diễn tả những nét tâm lí ngổn ngang, phức tạp của nhân vật một cách rất tinh tế, khéo léo lại vô cùng chân thực, tự nhiên.

Mặc dầu đã hăm hờ, quyết tâm như thế, song nội tâm Tư Hồng không tránh khỏi những lúc dằn vặt. Khi nghĩ đến bước đường lưu lạc cay đắng của mình, cô tự vấn, mĩa mai chính mình: “Ai bảo bỏ nhà trốn đi? Thế mà Chánh Tổng muốn rước về ở ngôi bà kế, tha hồ sung sướng lại còn làm bộ làm cao lầy? Có lẽ trời bắt đắng cay vất vả như thế như thế để phạt cái thói lên mặt đổng đánh kia chẳng? Hay là con người có số nay mai giàu có tiếng tăm tất phải trước hết đi qua cái cầu phong trần luân lạc như thế mới được chẳng?” [11; 64]. Toàn bộ lời thoại được thể hiện dưới hình thức câu nghi vấn. Nhân vật Tư Hồng đang phân thân để tự chất vấn chính mình. Rơi vào bước đường lưu lạc như hiện tại, cô có một chút hối hận, tự trách bản thân “làm bộ làm cao”, trách bản thân “lên mặt đổng đánh” đã không đồng ý với cuộc nhân duyên với Chánh Tổng để tha hồ sung sướng. Nhưng cô lại tự trấn an luôn, rằng: chẳng đường lưu lạc đầy cay đắng này chỉ là bước khởi đầu của một cuộc đời giàu có, tiếng tăm sau này. Ý nghĩ ấy nảy ra không phải để tự huyễn hoặc mình mà là một nét tâm lí rất phù hợp với tình huống và tính cách nhân vật. Trong tâm tối, người ta nhìn ra hướng có ánh sáng, trong bước đường cùng vẫn tin vào tương lai tốt đẹp. Cô chẳng còn cách nào khác là tin vào chính mình: “Trăm sự phó mặc ông trời! Mình đã liều đem thân đến chốn này thì cứ nhắm mắt đưa chân tìm lấy đường mà sống. Giời sinh giời dưỡng, việc quái gì phải sợ. Ta cứ việc đi, đi tìm lấy việc làm mà sống; nhất là được chỗ may thuê vá mướn; không thì đi gánh nước nấu ăn cho người ta; hay số kiếp vất vả lắm thì đến vào nhà thô chứa là cùng chứ gì?” [11; 65]. Cô liều lĩnh hay bản lĩnh? Có lẽ có cả hai. Nhưng cái bản lĩnh có phần trội hơn. Một cô gái thân cô thế cô bị ném ra ngoài cuộc đời, không sợ trời, không sợ đất, tự tin tìm đường sống cho mình, thậm chí sẵn sàng đối mặt với những điều tồi tệ nhất. Ấy chính là cá tính mạnh mẽ, là bản lĩnh cứng cỏi hơn người của Tư Hồng.

Biến cố thứ ba là thời điểm chồng cô là chú khách Hồng rơi vào tình cảnh sa sút, thân bại danh liệt. Chồng cô ham gái, mê cờ bạc mà tiêu tán hết gia sản, cuối cùng chọn cách dứt áo ra đi không để lại cho cô Tư Hồng một đồng cắc. Cô lại cùng đường, lại trắng tay. Khi có nhiều người ngờ ý chấp nói cho cô mỗi ngày, mỗi khác, cô đã bộc lộ rõ tâm tư của mình rằng: “Kì thật, nằng nghĩ chín trong bụng rằng: Chẳng gì mình cũng trải qua một đời chồng là chủ hiệu giàu có, tiếng tăm hầu khắp tỉnh Phòng đều biết, bây giờ chấp nói liệu có gặp được mặt nào cũng bảnh như thế không? Nếu cha quăng chú kiết, vợ quàng vợ xiên, e bị thiên hạ mai mĩa. Mà ở nần ná mãi chỗ này cho đến long đong sa sút cũng hổ với đời; thôi thì “lại liều nhắm mắt đưa chân, thử xem con tạo xoay vần đến đâu”. Số kiếp có bắt mình lấy phải thằng cu bố đĩ hay là cùng lắm phải bán tròn nuôi miệng như lũ em vô phúc kia thì thà rằng đi xứ khác mà làm cho khuất mắt, chẳng ai biết đây là đâu, chứ hỏi nào nghiêm nhiên một bà chủ hiệu ở đây, giờ sụt xuống làm một người trụ lạc ở đây thì phiền lắm” [11; 85-86]. Sự tự nhận thức về thân phận cuộc đời mình, nỗi đau đớn, bất lực trước cuộc sống thực tại, những ẩn ức trong tiềm thức của Tư Hồng được thể hiện sâu sắc qua lời độc thoại này. Cô nhận thức rất rõ về tình cảnh của chính mình: một phụ nữ đã qua một đời chồng, mà người chồng ấy đã từng là một chủ hiệu có tiếng tăm lừng lẫy ở đất Hải Phòng. Chính hào quang của quá khứ ấy không cho phép cô chấp nhận một sự chấp nói tùy tiện, không cho phép cô vợ quàng vợ xiên một kẻ “cha quăng chú kiết”. Cô sợ thiên hạ nhìn cô bằng ánh mắt thương hại, chê cười, mĩa mĩa. Cô quyết bỏ xứ một lần nữa, liều lĩnh “nhắm mắt đưa chân”, ngay cả khi đón nhận một kết cục thê thảm, khôn cùng nhất thì cũng phải “khuất mắt” khỏi xứ này. Có thể nói, những ý nghĩ, những toan tính của Tư Hồng đã được lột tả một cách chân thật, sâu sắc qua lời độc thoại. Những suy nghĩ, toan tính ấy thể hiện nhiều tầng bậc của tâm trạng nhân vật: có nỗi đau đớn, xót xa cho phận mình, có chút kiêu hãnh về hào quang của quá khứ, hơn hết, Tư Hồng vẫn là người phụ nữ mạnh mẽ, cứng cỏi, trọng danh dự, dù bị đất vẫn luôn cố gắng giữ gìn, bảo toàn danh dự của chính mình.

Biến cố thứ tư là khi cô rời Hải Phòng ra Hà Nội và lấy quan tư Garlan. Cuộc nhân duyên này được điều đình và kết thúc chớp nhoáng. Cô Ba mời cô Tư Hồng đến và giới thiệu với quan tư. Mặc dù cô không hiểu quan tư nói gì nhưng cô bạo dạn và tinh ranh, cứ “dòm chừng người ra cầm phống – sét ăn uống thế nào thì bắt chước y vậy” [11; 124]. Thế là mặc dù một chữ tiếng Tây bẻ đôi không biết, nhưng quan tư thấy cô có bộ tịch hiền lành, mộc mạc nên ưng ngay từ đầu vì

thực chất ông muốn tìm một người “nội trợ bản xứ. Sau khi kết hôn, cô lại may mắn gặp lại được cha và cô tự nhủ: “nhất định giải quyết vấn đề thể diện. Cô sẽ phải giới thiệu cho phu quân biết thân phụ cô, đã đành là một ông lão nhà quê, nhưng phải là một ông lão ăn mặc chững chạc tử tế không thể bị khinh hay làm tưởng là cu li và đức phu quân trông thấy phải có thiện cảm ngay” [11; 134]. Những lời độc thoại này cho thấy cô là người rất trọng danh dự và tính toán chu toàn mọi việc.

Biến cố cuối cùng là khi cô quyết định lấy nhà tu cô Hồng. Thiệp mời gửi đi kê tên đúng 120 quan khách nhưng họ đến dự vền vền chỉ có 26 người. Mà trong số đó lại chủ yếu là các cụ già nửa tỉnh nửa quê, mấy nhà giàu không có ai đến dự, và đặc biệt là không có ông Tây bà đầm nào cả. Cô lặng lẽ với những lời độc thoại: “Cô tự biết thế là xã hội kết án mình rồi” [11; 204]. Cô cũng lí giải được xã hội kết án mình vì: “Nhân tâm là nơi phát biểu của thiên lí. Người ta chê cười, ghê lạnh cô đến nỗi kết án cô bằng cách đoạn tuyệt giao du thương mại chắc hẳn vì thấy cô đã cám dỗ một nhà tu hành phá giới về làm chồng mình. Thật ra có lẽ nhà tu hành ấy cũng cám dỗ cô mà người ta không biết. Người ta kết án cả đôi nhưng trách móc cô nhiều hơn” [11; 209]. Và khi sự kiện này làm cho việc làm ăn của cô trở nên thua lỗ, bản thân thì bị bạn bè, đối tác ghê lạnh, cô thấy rùng rợn và đau đớn. Những dòng suy nghĩ cho thấy cô đang như đứt từng khúc ruột. Cơ ngơi bao năm xây dựng phút chốc đi xuống, đến nỗi sau đó vợ chồng phải dắt nhau sang Cao Miên làm ăn.

Như vậy, qua các biến cố này, với những dòng độc thoại nội tâm, cô Tư Hồng được tái hiện với tính cách mạnh mẽ, quyết đoán, là người luôn luôn nhận thức được giá trị của bản thân nhưng cũng có những phút mềm yếu của một người phụ nữ. Đặc biệt, cuộc đời của cô, tuy tham gia nhiều việc mà đàn ông đương thời làm được, có những thời gian được sống trong nhung lụa nhưng luôn luôn cô đơn. Cô là một người phụ nữ bất hạnh, không có được hạnh phúc dù rất cố gắng để gây dựng.

### **2.3. Độc thoại nội tâm kiến tạo kiểu không gian tâm lí và tạo ra dấu ấn riêng trong phong cách của nhà văn Đào Trinh Nhất**

Đào Trinh Nhất đã vượt qua những câu chuyện đã có từ trước đó dựa trên quan điểm đạo đức Nho giáo để tái hiện hình ảnh về cô Tư Hồng trong tiểu thuyết. Đào Trinh Nhất đã sử dụng nhiều thủ pháp nghệ thuật của tự sự hư cấu để xây dựng hình ảnh cô Tư Hồng dựa trên những chất liệu lịch sử. Tác giả cũng khai thác các chất liệu từ giai thoại, lời kể, tư liệu lịch sử,... nhưng lại đi sâu vào những lát cắt quan trọng, sử dụng yếu tố hư cấu để làm nên một tiểu thuyết đặc sắc. Đây cũng chính là yếu tố tạo nên phong cách riêng biệt của tác giả khi viết về nhân vật này.

Không gian nghệ thuật là môi trường để nhân vật văn học sống, hoạt động, bộc lộ tính cách. Không trùng khít với không gian địa lí hay không gian vật lí, vật chất, không gian nghệ thuật mang tính chủ quan và tượng trưng rất cao. Việc lựa chọn và xây dựng không gian nghệ thuật phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau cùng xuất hiện trong tác phẩm, trong đó có lời độc thoại.

Trong tác phẩm “Cô Tư Hồng”, bạn đọc dễ nhận thấy nhiều kiểu không gian nghệ thuật khác nhau: không gian của Hà Nội, Hải Phòng, không gian của xứ Cao Miên,... Bên cạnh đó, còn có một không gian nghệ thuật đặc biệt, đó là không gian tâm lí của nhân vật. Đây là kiểu không gian xuất hiện và tồn tại trong tâm lí của con người, nơi diễn ra trong hồi ức, trong suy nghĩ, tưởng tượng của nhân vật. Không gian tâm lí có thể là những không gian vẫn tồn tại trong hiện thực hoặc là không gian do con người tưởng tượng ra, nhưng khi hiện hiện trong nội tâm, lại mang ý thức chủ quan của nhân vật, thể hiện rất rõ suy nghĩ, tư tưởng, tình cảm, gửi gắm ước mơ, nỗi niềm của nhân vật. Đồng thời, không gian tâm lí giúp bạn đọc hiểu được số phận, tính cách của nhân vật.

Xét riêng nhân vật Tư Hồng, trong nhiều tình huống giao tiếp, khi nhân vật độc thoại, kiểu không gian tâm lí này cũng đồng thời được mở ra. Cuộc đời nhân vật Tư Hồng vốn trải qua rất nhiều biến cố, thăng trầm, khi ở đỉnh cao của tiền tài, danh vọng, lúc lại chìm sâu trong bế tắc, tuyệt vọng. Những không gian tâm lí được mở ra theo lời độc thoại của nhân vật cũng gắn liền với những biến cố đó. Chẳng hạn, khi quyết tâm rời nhà chú thím bỏ ra Hải Phòng, Tư Hồng đã

ngẫm nghĩ về cuộc ra đi của mình: “Đi có lẽ là bước chân vào con đường hạnh phúc, mà cũng có lẽ nhảy xuống vực sâu. Sẽ bơ vơ khổ sở, sẽ làm tôi tớ người ta để mà sống, sẽ bán rẻ cả xác thịt không chừng để cho con tì con vị khỏi liệt máy. Hay sẽ chết đói chết rét ở một xóm xình nào, như thân một con chuột thối nằm trên vỉa đường, người ta hắt cẳng đá một cái xuống lỗ cống là xong chuyện” [11; 61]. Trong lời độc thoại, hai kiểu không gian tâm lí được mở ra: không gian của “con đường hạnh phúc” và không gian của những “vực sâu”, “xóm xình”, “vía đường”, “lỗ cống”. Không gian ấy dù chỉ xuất hiện trong trí tưởng tượng của Tư Hồng nhưng cũng đủ giúp bạn đọc hình dung ra tình cảnh bi đát, tâm trạng đau khổ, bế tắc của Tư Hồng. Hay, khi nhân vật có ý nghĩ “Thôi, mình đã xuôi Nam gặp bước không tốt rồi, cũng chưa phải là cùng đường bí lối, vẫn còn một cửa mở ra nữa: ra Phòng” [11; 59] thì một không gian tâm lí khác lại hiện ra. Hải Phòng lúc này cũng không còn là không gian địa lí đơn thuần nữa mà trở thành không gian của một miền đất hứa, không gian của một viễn cảnh tương lai tươi sáng. Với nhân vật Tư Hồng, trong bước đường cùng đầy cay đắng này, “ra Phòng” chính là tìm về hướng có ánh sáng. Không gian ấy đang thấp lên trong tâm hồn Tư Hồng những ước mơ, hi vọng vào tương lai tốt đẹp phía trước.

Nhìn chung, khi bàn đến không gian nghệ thuật trong tác phẩm, dù là không gian hiện thực hay không gian tâm lí cũng đều là môi trường để cho nhân vật hành động và bộc lộ tính cách. Nhưng, nêu không gian hiện thực thiên về sự lựa chọn chủ quan của người kể chuyện thì không gian tâm lí xuất hiện trong lời độc thoại lại thiên về cảm nhận của nhân vật. Khảo sát lời độc thoại của nhân vật Tư Hồng trong tiểu thuyết *Cô Tư Hồng*, chúng tôi nhận thấy lời độc thoại và độc thoại nội tâm thực sự đã góp phần làm cho không gian nghệ thuật trở nên đa dạng hơn về kiểu loại, giúp nhân vật có một môi trường đa chiều để hoạt động và bộc lộ bản thân. Cùng với không gian địa lí, không gian hiện thực, không gian tâm lí đã góp phần tạo dựng nên nhân vật Tư Hồng có chiều sâu, đa sắc, đa diện, hấp dẫn và lôi cuốn người đọc, gợi nhiều đồng cảm, suy tư về cuộc đời, về con người.

Trong văn học hiện đại Việt Nam, các nhà văn rất quan tâm đến sự đổi mới về mặt thi pháp, nhất là thi pháp xây dựng nhân vật với tất cả mọi mặt từ diện mạo đến hành động, tính cách và đặc biệt là chiều sâu thế giới nội tâm. Một trong những biện pháp phổ biến được các nhà văn sử dụng để giúp nhân vật có thể “tự chiếu sáng nội tâm bằng ngôn ngữ” một cách tự nhiên, chân thực nhất, đó là độc thoại.

Ra đời vào năm 1941, tác phẩm *Cô Tư Hồng* cũng đã có những bước đổi mới rất rõ nét. Trong đó, phải kể đến việc sử dụng độc thoại nội tâm không chỉ dưới góc độ ngôn ngữ nhân vật mà còn là một thủ pháp nghệ thuật để khắc họa nhân vật. Qua độc thoại nội tâm, ít nhiều bạn đọc đã nhận ra những dấu ấn rất riêng của nhà văn.

Với thủ pháp độc thoại nội tâm, nhà văn đã đi sâu, len lỏi vào ngõ ngách sâu kín của tâm hồn nhân vật Tư Hồng để lật dở những tầng bậc tâm lí, khám phá lí giải những bí ẩn sâu kín trong cuộc đời nhân vật, qua đó tái hiện những bi kịch mà họ đã qua và nói hộ nhân vật những ước mơ, những khát khao thầm kín, thậm chí là khát khao mang tính bản năng của con người. Nhờ vậy, những bí ẩn trong tâm hồn nhân vật được thấu tỏ và nhân vật hiện lên trọn vẹn hơn, “người” hơn, những bí ẩn trong cuộc đời, số phận nhân vật cũng được lí giải một cách trọn vẹn hơn. Nghĩa là nhà văn đang xây dựng nhân vật Tư Hồng theo xu thế “hướng nội”, theo hướng “chiếu sáng con người bên trong”. Xây dựng nhân vật như vậy thể hiện rất rõ tư duy của nhà văn Đào Trinh Nhất rất mới mẻ và sáng tạo. Đây cũng là một trong những đổi mới có ý nghĩa của tiểu thuyết Việt Nam thời kì này. Khác với Đào Trinh Nhất, Nguyễn Ngọc Tiến viết *Me Tư Hồng* theo cách nhìn của người đương thời với những nét nhân văn.

Tóm lại, có rất nhiều cách, nhiều con đường để nhà văn xây dựng nhân vật trong các sáng tác của mình. Để nhân vật tự soi sáng nội tâm bằng độc thoại nội tâm, tác giả Đào Trinh Nhất vừa đi theo xu hướng chung đổi mới văn học, vừa tạo được nét riêng trong sáng tác của mình. Ra đời vào năm 1940, việc sử dụng độc thoại nội tâm không phải là một thủ pháp mới nhưng Đào Trinh Nhất đã có đóng góp ở hướng tiếp cận nhân vật cô Tư Hồng từ góc nhìn tiểu thuyết, tư duy tiểu



thuyết, thoát ly khỏi lối biên niên trong lịch sử. Nhà văn đã mang đến kiến giải mới, vượt qua diễn ngôn từ nhân quan đạo đức Nho giáo đồng thời cũng đối thoại với diễn ngôn chủ nghĩa dân tộc thời kì đó.

### 3. Kết luận

Có thể thấy rằng, sự vận động phức tạp trong tâm lí cô Tư Hồng đã được Đào Trinh Nhất chuyển tải lại một cách tinh tế trong từng trang viết qua thủ pháp độc thoại nội tâm. Những bản thảo, đau khổ, day dứt, những nỗi buồn, niềm vui và cả những do dự, nỗi niềm ân hận, tất cả đều được phơi bày, tất cả đều hiển hiện qua những câu độc thoại nội tâm nói hộ lòng cô Tư Hồng và nói hộ lòng tác giả. Chính vì vậy, người đọc cũng hòa mình theo những cung bậc cảm xúc, khi thì đau khổ tận cùng, khi thì hồi hộp tính toán, khi lại ân hận khôn nguôi, lúc thì thờ phào nhẹ nhõm cùng với nhân vật. Đây cũng chính là điểm nhấn tạo nên sự khác biệt giữa cô Tư Hồng của Đào Trinh Nhất và cô Tư Hồng của những tác giả khác. Một trong những điểm khác biệt đó đã được Bùi Thị Hải Yến đã nhấn mạnh: “Thế nhưng bước vào những năm 30-40 của thế kỉ XX, hình ảnh Tư Hồng lại được phục dựng theo cách khác hẳn qua tác phẩm *Cô Tư Hồng* của Đào Trinh Nhất. Đến đây, Tư Hồng hiện diện như một người đàn bà sắc sảo, đa đoan, khôn ngoan và đầy quyết đoán” [11; 69].

Qua việc tái hiện hình ảnh cô Tư Hồng bằng thủ pháp độc thoại nội tâm, Đào Trinh Nhất đã không chỉ thành công với việc xây dựng nhân vật, tạo dựng không gian tâm lí và còn định hình được phong cách độc đáo của mình. Đây cũng chính là điểm sáng nghệ thuật, thể hiện tài năng độc đáo của Đào Trinh Nhất. Bởi lẽ, khác với những tác giả còn lại, Đào Trinh Nhất đã rời xa được quan niệm, góc nhìn của Nho giáo về đạo đức của người phụ nữ, tiếm cận hơn với những góc nhìn giới và cũng khách quan hơn khi nhìn về những ưu điểm, nhược điểm của nhân vật này. Cũng chính vì thế, tác giả đã viết những câu văn rất nhẹ nhàng nhưng rút cả tâm can, trần trụi và những sự vận động tâm lí tinh tế nhất của cô Tư Hồng. Qua đó, độc giả có thể có những quan điểm, đánh giá, nhận định của chính bản thân mình với nhân vật này.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] DQ Ban, (2012). *Giao tiếp diễn ngôn và cấu tạo của văn bản*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [2] H Phong, (1940). *Cô Tư Hồng, Trung Bắc Tân Văn*, số ra ngày 4 tháng 8 năm 1940.
- [3] N Khuyên, (1925). *Câu đối. Việt văn giảng hậu bán thế kỉ XIX*.
- [4] NV Cường, (2022). *Hà Nội một thuở phố và người*. NXB Hà Nội.
- [5] NH Chi chủ biên, (2003). *Thi hào Nguyễn Khuyến đời và thơ*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [6] Lê Minh Quốc, (2016). “Bỡn cô Tư Hồng - roi đan bằng... chữ <https://leminhquoc.vn/bao-chi/le-minh-quoc-viet/3547-le-minh-quoc-bon-co-tu-hong-roi-dan-bang-chu.html>
- [7] NT Giáp, (2010). *777 khái niệm ngôn ngữ học*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [8] LB Hán, TĐ Sừ, NK Phi, (2005). *Từ điển thuật ngữ văn học*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [9] LN Ân, (2003). *150 thuật ngữ văn học*. NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [10] ĐT Khang, Thành ngữ trong ngôn ngữ độc thoại của nhân vật Thúy Kiều, <http://nguyendu.vn/nd.nsf/chi-tiet-nghien-cuu/thanh-ngu-trong-ngon-ngu-doc-thoai-cua-nhan-vat-truyen-kieu.html>
- [11] NQ Thăng sưu tầm và giới thiệu, (2007). *Đào Trinh Nhất – tác phẩm*. NXB Văn học, Hà Nội.
- [12] BTH Yến, (2019). *Nhân vật me tây trong văn học Việt Nam nửa sau thế kỉ XIX*. Luận văn, Đại học Sư phạm Hà Nội.